

# CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN KHÁC NHAU VỀ LẠM PHÁT VÀ VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ÁI ĐOÀN \*

*Lạm phát là một hiện tượng kinh tế phức tạp, liên quan đến mọi người, nên được xã hội rất quan tâm. Hiện tượng giá cả tăng từ năm 2004, ở Việt Nam đã diễn ra cuộc tranh luận khá sôi nổi, đề cập đến hầu hết các khía cạnh của lạm phát, và phương pháp đo lường nó,... Bài viết này đề cập tới những nội dung sau.*

## I - CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN KHÁC NHAU VỀ LẠM PHÁT

### 1 - Cách tiếp cận lạm phát của kinh tế học Liên Xô

Cơ sở chung trong cách tiếp cận của các nhà kinh tế học Liên Xô là quy luật lưu thông tiền tệ, có cội nguồn từ lý thuyết định lượng tiền tệ. Khi cung tiền lớn hơn lượng cầu về tiền trong một nền kinh tế nào đó, thì đồng tiền bị mất giá và đó là lạm phát. Theo định nghĩa trong Từ điển Bách khoa Kinh tế Chính trị của Liên Xô: "Lạm phát là sự mất cân bằng trong quá trình tái sản xuất xã hội, thể hiện ở việc dư thừa tiền trong lĩnh vực lưu thông so với nhu cầu thực tế (về tiền) của nền kinh tế và tương ứng là sự mất giá của tiền"<sup>(1)</sup>.

Khi nói mất giá đồng tiền là hình thức biểu hiện của lạm phát, các nhà kinh tế học Liên Xô nhấn mạnh: "Khái niệm mất giá đồng tiền rộng hơn so với lạm phát. Mất giá đồng tiền tồn tại đối với cả tiền kim loại, trong đó có vàng, khi những đồng tiền này bị mất giá do giá trị của kim loại quý giảm sút, trong khi đó lạm phát hoàn toàn bị loại trừ trong điều kiện lưu thông

tiền kim loại đủ giá trị. Không thể đồng nhất lạm phát với mọi biểu hiện mất giá tiền giấy"<sup>(2)</sup>.

Như vậy, khi coi lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông và mất giá đồng tiền, các nhà kinh tế học Liên Xô đặt trọng tâm vào quan hệ giữa cung và cầu về tiền trong lưu thông, vào việc dư thừa tiền trong lưu thông, còn mất giá đồng tiền, tăng giá chỉ là hình thức biểu hiện và có thể do cả các yếu tố khác.

Quan điểm về lạm phát trong kinh tế học Liên Xô cũng có nhiều thay đổi theo thời gian. Ban đầu, lạm phát được phân tích chủ yếu trong lĩnh vực lưu thông tiền tệ, thì "vào cuối những năm 60 - đầu những năm 70 của thế kỷ XX, trong sách báo kinh tế xô-viết có nhiều nhà kinh tế đã lên tiếng phản đối quan điểm coi lạm phát như hiện tượng thuần túy tiền tệ và đề xuất cách tiếp cận rộng hơn khi phân tích khái niệm này,

\* PGS, TS, Trường đại học Bách khoa, Hà Nội

(1) Kinh tế chính trị, Bách khoa toàn thư Xô-viết (Tiếng Nga), Mát-xcơ-va, 1975, tr 51

(2) Kinh tế chính trị, *Sđđ*, tr 53

coi đó như biểu hiện có nguồn gốc sâu xa từ quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa<sup>(3)</sup>. Họ giải thích lạm phát ở các nước tư bản chủ nghĩa bằng cả các nguyên nhân "phi tiền tệ". Các nhà kinh tế này lập luận rằng: "Những yếu tố tăng giá mang tính chu kỳ, thời vụ, thay đổi năng suất lao động, điều tiết giá mang tính độc quyền nhà nước, thuế, phá giá, nâng giá, thay đổi tình hình thị trường, thiên tai và những yếu tố khác dẫn tới biến động giá không phụ thuộc vào tình trạng lưu thông tiền tệ. Tuy nhiên, những yếu tố "phi tiền tệ" này cuối cùng dẫn tới sự mất cân bằng giữa lượng tiền trong lưu thông và cầu thực sự về tiền của nền kinh tế"<sup>(4)</sup>...

Nhìn chung, lạm phát không phải là vấn đề được ưu tiên trong kinh tế học Liên Xô. Khi nghiên cứu lạm phát ở nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, họ cho rằng: "Nếu như ở các nước tư bản hiện đại, lạm phát là căn bệnh kinh niên của hệ thống tiền tệ, thì ở chủ nghĩa xã hội khả năng xảy ra lạm phát chỉ có thể hoặc là do hoàn cảnh đặc biệt, ví dụ như chiến tranh, hoặc do thiếu sót trong kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân". Một số nhà kinh tế đề xuất, không nên gọi hiện tượng dư thừa tiền trong lưu thông, mất giá đồng tiền ở chủ nghĩa xã hội là lạm phát, mà nên sử dụng một từ khác, ví dụ như "mất cân bằng giữa lưu thông hàng hoá và tiền tệ", "mất giá đồng tiền"<sup>(5)</sup>.

## 2 - Cách tiếp cận của kinh tế học phương Tây

*a - Lạm phát là sự gia tăng mức giá chung.* Các nhà kinh tế học phương Tây hiểu lạm phát là sự gia tăng mức giá chung. Tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ tăng mức giá chung<sup>(6)</sup>. Khi phân tích lạm phát, người ta thường phân biệt lạm phát hay tăng giá tạm thời với lạm phát kéo dài. Tuy nhiên, giữa chúng không phải lúc nào cũng có ranh giới rõ rệt.

Mặc dù không tranh cãi về định nghĩa lạm phát, trong kinh tế học phương Tây có nhiều quan điểm khác nhau, trong đó đáng chú ý tới 2 quan điểm về lạm phát có ảnh hưởng lớn là trường phái trọng tiền của Phờ-rít-mán (M.

Friedman) và trường phái Kên (Keynes). Sự khác biệt giữa họ là không lớn. "Thực ra, có sự hội tụ đáng kể về các quan điểm giữa hai trường phái trong suốt 3 thập kỷ qua, và những bất đồng hiện nay chỉ là vấn đề nhấn mạnh vào đâu, chứ không phải các vấn đề chân lý cơ bản"<sup>(7)</sup>.

*b - Lý thuyết lạm phát của trường phái Kên.* "Lý thuyết tổng quát" của Kên đã tạo ra một cuộc cách mạng trong kinh tế học. Kinh tế học vĩ mô của Kên là một hệ thống kịch bản lý thuyết mới, nghiên cứu tác động của các chính sách kinh tế cũng như các đột biến ngoại sinh thông qua kết hợp 2 thành tố tổng cầu và tổng cung. Tổng cầu là đề xuất mới của ông. Còn tổng cung, trong khi cách tiếp cận cổ điển cho rằng lương, giá linh hoạt nên đường tổng cung là thẳng đứng, thì với giả định lương, giá không linh hoạt, đường tổng cung ngắn hạn của ông tương đối thoải và dốc lên về phía trái<sup>(8)</sup>. Trong đồ thị 1, AD là tổng cầu, AS là tổng cung theo quan điểm của Kên, LAS là đường tổng cung dốc đứng theo quan điểm cổ điển, hiện nay thường được gọi là đường tổng cung dài hạn, P chỉ mức giá,  $Y_n$  chỉ mức sản lượng tiềm năng,  $Y_{0,1,2,...}$  chỉ các mức sản lượng thực của nền kinh tế. Mô hình này được sử dụng rộng rãi

(3) Kinh tế chính trị, *Sđđ*, tr 53

(4), (5) Kinh tế chính trị: *Sđđ*, tr 53, 58

(6) Ví dụ: "Lạm phát biểu thị một sự tăng lên trong mức giá chung. Tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ thay đổi (tăng) của mức giá chung". Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus: *Kinh tế học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t 2, tr 391

"Lạm phát là sự tăng giá trung bình của hàng hoá theo thời gian". David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch: *Kinh tế học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1992, t 2, tr 201

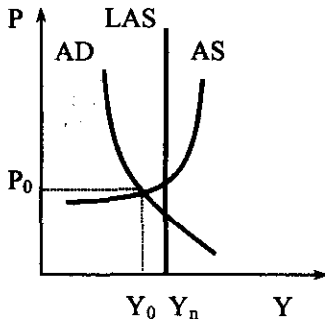
" Sự gia tăng trong mức giá chung được gọi là lạm phát". N. Gregory Mankiw: *Kinh tế vĩ mô*, Nxb Thống kê, tr 39, 155

(7) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus: *Kinh tế học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội - 1997, t 2, tr 460

(8) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus, *sđđ*, tr 448 - 449

trong kinh tế học hiện đại, cho phép phân tích ảnh hưởng của các yếu tố tác động đồng thời đến các đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản là sản lượng, mức giá, tỷ lệ thất nghiệp,... Quan điểm lạm phát của Kênh không phải là một lý thuyết riêng, mà chỉ là sự phát triển tiếp tục cách tiếp cận cơ sở đối với các đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản và được trình bày rất dễ hiểu thông qua mô hình AD - AS này.

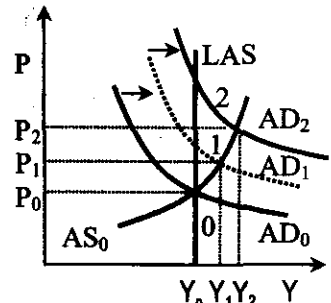
Với định nghĩa lạm phát là tăng mức giá chung và phát triển cách tiếp cận tổng cầu - tổng cung, các nhà kinh tế trường phái Kênh phân chia các dạng lạm phát dựa trên sự dịch chuyển các đường tổng cung, tổng cầu thành lạm phát quán tính, lạm phát cầu kéo và lạm phát chi phí đẩy,...



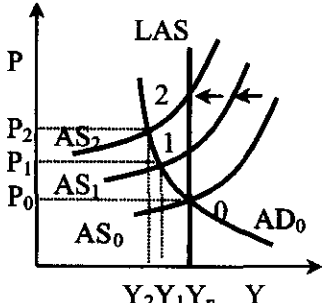
Đồ thị 1. Mô hình AD-AS phản ánh các đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản

Theo cách tiếp cận của trường phái Kênh, đặc trưng của lạm phát cầu kéo là đường tổng cầu dịch chuyển nhanh hơn, vượt quá mức sản lượng tiềm năng, dẫn đến lạm phát. Trong trường hợp này, tỷ lệ thất nghiệp có thể thấp hơn mức tự nhiên. Trong đồ thị 2, khi AD sang phải, tới AD<sub>1</sub>, AD<sub>2</sub>,... nền kinh tế tới vị trí 1, 2,... với mức giá tăng tới P<sub>1</sub>, P<sub>2</sub>... và sản lượng tăng tới Y<sub>1</sub>, Y<sub>2</sub>... Đặc trưng của lạm phát chi phí đẩy là dưới tác động của các cú sốc cung, đường tổng cung dịch chuyển mạnh sang trái, dẫn đến tình trạng lạm phát - đình trệ (Y < Y<sub>n</sub>), nếu đường tổng cầu không dịch chuyển sang phải tương ứng (đồ thị 3) và dẫn đến lạm phát, nếu ngân hàng trung ương dịch chuyển đường tổng cầu sang phải tương ứng, giữ cho sản lượng ở mức tiềm năng và tỷ lệ thất nghiệp không đổi.

c - Trường phái trọng tiền của Phờ-rít-man Trường phái trọng tiền, tương tự quan điểm về lạm phát của kinh tế học Liên Xô, có gốc rễ từ lý thuyết định lượng tiền tệ, có lịch sử lâu đời và được các nhà kinh tế học cổ điển phát triển vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Đó là học thuyết về giá trị danh nghĩa của tổng thu nhập được xác định như thế nào. Nó thường được thể hiện qua phương trình trao đổi:  $MV=PY$ ; (M - lượng tiền trong lưu thông, V - tốc độ chu chuyển thu nhập, P - mức giá, Y - thu nhập thực tế).



Đồ thị 2. Lạm phát cầu kéo: đường tổng cầu AD dịch chuyển sang phải dẫn đến giá tăng, sản lượng tăng và tỷ lệ thất nghiệp giảm



Đồ thị 3. Lạm phát đình trệ: đường AS dịch chuyển sang trái dẫn đến giá tăng, sản lượng giảm, tỷ lệ thất nghiệp tăng

Phân tích phương trình trao đổi, các nhà kinh tế cổ điển cho rằng, V - tốc độ chu chuyển tiền tệ là ổn định, sản lượng thực tế Y được giữ ở mức thất nghiệp tự nhiên (việc làm đầy đủ) và có thể coi là không đổi trong ngắn hạn, lượng cung tiền là biến ngoại sinh phụ thuộc vào chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, do đó, cung tiền quyết định mức giá của nền kinh tế.

Khác với các nhà kinh tế cổ điển, Kên khẳng định rằng, cầu về tiền phụ thuộc vào thu nhập thực tế (Y) và lãi suất (R):  $M^d/P = f(Y; R)$ , là không ổn định và do đó giá có thể biến đổi ngay cả khi cung tiền ổn định.

Năm 1956, Phờ-rít-man đã đưa ra lý thuyết cầu về tiền mới, một nội dung cơ bản của lý thuyết trọng tiền, trong bài báo: "Lý thuyết định lượng tiền tệ: một sự xác nhận lại". Sử dụng cách tiếp cận của Kên, Phờ-rít-man cố gắng bác bỏ lý thuyết cầu về tiền của Kên, khẳng định lại kết luận của kinh tế học cổ điển về tính ổn định của cầu về tiền và đồng thời với nó là kết luận về cung tiền quyết định mức giá của nền kinh tế.

Lý thuyết trọng tiền giống như lý thuyết của Kên, về cơ bản là lý thuyết về các yếu tố quyết định tổng cầu. Nhưng điểm khác biệt ở chỗ là các nhà trọng tiền tuyên bố: "Chỉ có tiền là quan trọng".

Lý thuyết trọng tiền gồm 3 nội dung chính: a) cầu về tiền là ổn định, b) sản lượng thực của nền kinh tế là ổn định và c) khu vực kinh tế tư nhân là ổn định.

- Nếu cầu về tiền là ổn định thì mức tăng cung tiền là yếu tố quyết định chính, mang tính hệ thống của tăng trưởng GDP danh nghĩa. Để khẳng định cầu về tiền là ổn định Phờ-rít-man viết hàm cầu về tiền thực tế như sau:

$$M^d/P = f(Y_p; r_b - r_m; r_e - r_m; \pi^e - r_m)$$

Trong đó,  $Y_p$  là thu nhập thường xuyên - thu nhập dài hạn bình quân dự tính;  $r_b$  - mức sinh lợi dự tính của trái phiếu;  $r_m$  - mức sinh lợi dự tính của tiền;  $r_e$  - mức sinh lợi dự tính của cổ phiếu,  $\pi^e$  - mức lạm phát dự tính.

Khác với hàm cầu về tiền của Kên, trong hàm cầu về tiền của Phờ-rít-man, thu nhập dự tính là ổn định; khi lãi suất tăng thì lợi tức dự tính của trái phiếu, cổ phiếu,... cũng tăng theo, nên chênh lệch giữa chúng và lãi suất là không đổi. Từ đó suy ra cầu về tiền là ổn định.

- Sản lượng thực của nền kinh tế là ổn định. Nó biến động rất ít xung quanh mức tiềm năng

do giá cả và tiền lương linh hoạt, nền kinh tế điều chỉnh nhanh. Kết quả là khi cung tiền tác động đến GDP danh nghĩa (PY) thì trong ngắn hạn có thể tác động đến cả sản lượng và giá cả, nhưng trong dài hạn tác động chính của tăng cung tiền là ở động thái tăng giá.

Như vậy, tương tự như các nhà cổ điển, kết luận của Phờ-rít-man là V, Y ổn định, do đó trong dài hạn, P tăng chỉ có thể là do tăng cung tiền. Lạm phát cao chỉ có nguyên nhân duy nhất là cung tiền cao. "Lạm phát ở bất kỳ nơi nào luôn là hiện tượng tiền tệ với nghĩa là, nó được và có thể được tạo ra chỉ bằng cách tăng lượng tiền nhanh hơn so với tăng sản lượng"<sup>(9)</sup>.

- Các nhà kinh tế trọng tiền tin rằng nền kinh tế tư nhân là ổn định. Phần lớn những biến động của GDP danh nghĩa là hậu quả của những hành động thay đổi cung tiền của chính phủ. Do đó cần thực thi chính sách cung tiền ổn định, để giữ nền kinh tế, trong đó có mức giá ổn định.

d - So sánh các quan điểm của trường phái trọng tiền và trường phái Kên. Khi nói đến lạm phát cao, kéo dài thì cách phân tích của trường phái Kên và trường phái trọng tiền của Phờ-rít-man là không khác nhau: lạm phát có nguyên nhân duy nhất là tăng cung tiền. Tuy nhiên, khi xét trong khoảng thời gian ngắn hơn<sup>(10)</sup>, cách tiếp cận của trường phái Kên cho phép phân tích nguyên nhân tăng giá rộng hơn, ngoài tăng cung tiền. Chẳng hạn, những cú sốc cung kéo dài có thể dẫn đến hiện tượng lạm phát- đình trệ (tồn tại đồng thời cả lạm phát cao và mức thất nghiệp cao)<sup>(11)</sup>.

(9) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus, *sđđ*, tr 453

(10) "Trong dài hạn, Keynes viết về kinh tế học cổ điển, tất cả chúng ta đều chết. Các nhà kinh tế tự đặt cho mình một nhiệm vụ quá dễ dãi, quá vô tích sự nếu như trong mùa giông bão họ chỉ có thể nói với chúng ta rằng, bão tấp sẽ qua và trời sẽ yên, biển sẽ lặng". N. Gregory Mankiw: *Nguyên lý kinh tế học*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2003, t 2, tr 237

(11) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus, *Sđđ*, tr 414 - 415

## II - ĐÁNH GIÁ LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG PHÊ PHÁN GẦN ĐÂY NHẪM VÀO SA-MEN-SON (PAUL A. SAMUELSON)

### 1- Đánh giá lạm phát ở Việt Nam

Với các quan điểm khác nhau như trên, chúng ta có thể hiểu được tại sao trong thời gian qua, có quá nhiều cách đánh giá về lạm phát ở Việt Nam đến như vậy.

Dựa theo quan điểm lạm phát là cung tiền lớn hơn cầu về tiền; giá tăng có thể do các nguyên nhân khác, một số người đã khẳng định, giá tăng chỉ là giá tăng, không có lạm phát, hoặc giá tăng do các nguyên nhân khách quan, chính sách tiền tệ không đổi, không có lạm phát,... Những người ôn hoà hơn thì nói có lạm phát nhưng ở mức thấp hơn nhiều so với chỉ số giá tiêu dùng (CPI), có nghĩa là phần tăng giá do tăng cung tiền vượt cầu về tiền không nhiều, phần còn lại do nguyên nhân khách quan,... (Ở đây, tôi chỉ muốn nói: dựa theo quan điểm lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông, chứ không có ý là nếu theo quan điểm đó thì đương nhiên có thể kết luận như vậy).

Cũng dựa theo quan điểm lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông, một số người khác đã kết hợp với cách giải thích dịch chuyển tổng cung của trường phái Kên, cho rằng tăng giá là do giá nguyên-nhiên liệu tăng, dịch cúm gia cầm,... Ngân hàng trung ương không tăng cung tiền trước để dẫn đến tăng giá, mà ngược lại, giá tăng buộc ngân hàng trung ương phải cung tiền... Những người theo quan điểm trọng tiền thì khẳng định tăng giá (lạm phát) là do tăng cung tiền,... Những người theo trường phái Kên ( trong đó có Sa-men-son) thì giải thích tăng giá (lạm phát) do dịch chuyển cả đường tổng cung (cú sốc cung) và dịch chuyển cả tổng cầu,... có cả nguyên nhân từ các cú sốc cung và có cả nguyên nhân từ tăng cung tiền...

Về đo lường mức độ lạm phát, những người theo quan điểm lạm phát của kinh tế học phương Tây (lạm phát là sự gia tăng mức giá chung) thì coi CPI là một chỉ tiêu quan trọng

(dù nó cũng có những nhược điểm nhất định) để đánh giá mức độ lạm phát. Những người khác, sử dụng lập luận lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông, không chấp nhận chỉ tiêu này.

### 2 - Mối quan hệ giữa tăng giá và tăng cung tiền

Khi sử dụng phương trình trao đổi  $MV=PY$ , trường phái trọng tiền không phân biệt P và M, cái nào tăng trước. Nguyên nhân duy nhất làm cho giá tăng chỉ có thể là tăng cung tiền. Từ đó, đề xuất của trường phái trọng tiền là ngân hàng trung ương cần duy trì ổn định tỷ lệ tăng cung tiền, tương ứng với mức tăng sản lượng, để giữ cho giá ổn định.

Cùng sử dụng phương trình trao đổi  $MV=PY$ , với quan điểm lạm phát là cung tiền vượt cầu về tiền, nếu không làm rõ, đó là cầu về tiền nào và xác định như thế nào thì người ta có thể lý giải nhiều trường hợp tăng giá liên tục, kéo dài mà không phải là lạm phát. Ví dụ, lạm phát quán tính (theo kinh tế học phương Tây) là do dự tính giá tăng dẫn đến lương tăng, giá tăng, đường cung dịch chuyển sang trái và để giữ tỷ lệ thất nghiệp không tăng, ngân hàng trung ương buộc phải tăng cung tiền theo giá. *Lạm phát chi phí đẩy* cũng có thể diễn giải tương tự: cú sốc cung (chi phí tăng đột ngột) làm cho giá tăng, đường tổng cung dịch chuyển sang trái; để giữ tỷ lệ thất nghiệp không tăng, ngân hàng trung ương tăng cung tiền theo giá đã tăng.... Trong cả hai trường hợp, nếu không thận trọng, người ta có thể đi đến kết luận: ngân hàng trung ương không để cung vượt cầu về tiền và "không có lạm phát, chỉ có giá tăng liên tục"!

### 3 - Về những phê phán nhằm vào Sa-men-son

Vừa qua, có một số phê phán nhằm vào khái niệm "lạm phát giá cả" và "trường phái lạm phát giá cả" của Sa-men-son<sup>(12)</sup>. Như đã trình bày ở trên, các nhà kinh tế phương Tây định nghĩa

(12) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 8/1991, tr 38 - 40; và <http://www.ddda.com.vn/Desktop.aspx/Tintuc/Y-Kien>

lạm phát là tăng mức giá chung. Do đó, có thể thấy ngay rằng "lạm phát giá cả" (tăng) là một cụm từ trùng lặp và thực tế, trong kinh tế học hiện đại không có khái niệm "lạm phát giá cả".

Trong giáo trình kinh tế học của Sa-men-son, ở trang 103, tập 1, có trình bày biểu đồ "Xu hướng tăng lạm phát giá cả hàng tiêu dùng 1929 - 1984"<sup>(13)</sup>. Cụm từ "lạm phát giá cả" (thực ra là consumer price inflation) đã được dịch sang tiếng Việt như vậy trong tên biểu đồ này, đây chính là nguồn gốc hình thành cái mà tác giả phê phán Sa-men-son gọi là khái niệm "lạm phát giá cả".

Nghĩa thực tên biểu đồ trên nên hiểu là xu hướng lạm phát tính theo CPI và ở đó không chứa đựng khái niệm "lạm phát giá cả". Ngay sau tên biểu đồ, Sa-men-son đã ghi rất rõ: "Hình vẽ này cho thấy mức tăng giá hàng tiêu dùng qua các năm được tính bằng chỉ số giá tiêu dùng". Chỉ số giá tiêu dùng, không hoàn hảo, nhưng là một chỉ tiêu được sử dụng khá phổ biến, bên cạnh các chỉ tiêu khác như chỉ số điều chỉnh GDP, chỉ số giá sản xuất,... để đo mức độ lạm phát.

Có hay không trường phái "lạm phát giá cả" của Sa-men-son? Ông được thừa nhận là người đã thực hiện sự tổng hợp học thuyết Kên với tư tưởng tân cổ điển<sup>(14)</sup>. Đây là cơ sở hình thành trường phái chính hiện đại. Những tư tưởng cơ bản của trường phái chính hiện đại được thể hiện đầy đủ nhất trong giáo trình kinh tế học của ông. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là những lý thuyết, những quan điểm được trình bày trong giáo trình đều là của Sa-men-son (chúng được tổng hợp, được trình bày theo cách của ông). Khi đề cập đến các quan điểm lạm phát, người ta thường nói đến quan điểm của trường phái Kên, trường phái trọng tiền của Phờ-rít-man...

Thực ra, cái mà một số tác giả phê phán Sa-men-son nhằm vào là định nghĩa về lạm phát của ông: "Lạm phát biểu thị một sự tăng lên trong mức giá chung. Tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ

thay đổi (tăng) của mức giá chung". Từ đó suy ra, Sa-men-son đã đồng nhất tăng giá với lạm phát.

Cách tiếp cận lạm phát của Sa-men-son khác với cách tiếp cận lạm phát là cung tiền lớn hơn cầu về tiền mà tác giả tin tưởng và sử dụng. Theo tôi, đó là điểm cốt lõi của toàn bộ những phê phán của tác giả đối với Sa-men-son và cả nhiều bất đồng khác khi nhận định về tình hình lạm phát ở Việt Nam. Ví dụ, vấn đề có lạm phát hay không? Tăng giá là lạm phát hay không phải lạm phát? Những phê phán khác nhằm vào Sa-men-son như suy luận ra lạm phát vàng, nhằm lẫn kinh tế với tiền tệ trong định nghĩa lạm phát cầu kéo, nhằm lẫn cuộc khủng hoảng nguyên-nhiên liệu truyền thống với lạm phát, gọi là lạm phát chi phí đẩy,... đều phát sinh từ sự khác biệt trong cách tiếp cận, hiểu thế nào là lạm phát.

### III - MỤC TIÊU ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ ĐỊNH NGHĨA LẠM PHÁT

Có hai cách định nghĩa khác nhau về lạm phát: Lạm phát là cung tiền lớn hơn cầu về tiền dẫn đến mất giá đồng tiền; và lạm phát là tăng mức giá chung, là mất giá đồng tiền. Cả hai cách tiếp cận đều xuất phát từ mất giá đồng tiền và sự khác biệt cơ bản ở đây là vấn đề diễn đạt. Nếu bỏ qua khái niệm "lạm phát" mà bàn tới vấn đề "tăng mức giá chung" thì các phương pháp tiếp cận trên hoàn toàn không mâu thuẫn mà trái lại, bổ sung cho nhau.

Việc lựa chọn cách tiếp cận nào có lẽ cần căn cứ vào mục tiêu nghiên cứu và từ đó xem xét cách tiếp cận nào đáp ứng tốt hơn cho mục tiêu đó. Bởi vậy, cũng cần quay về vấn đề cơ bản, tại sao kinh tế học nghiên cứu về lạm phát? Chúng ta tranh luận về lạm phát để làm gì?

(13) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 8/1991, tr 38 - 40; và <http://www.dddn.com.vn/Desktop.aspx/Tintuc/Y-Kien>

(14) A. Gélédan (Chủ biên): *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, t 2, tr 67

Xã hội quan tâm không chỉ đến vấn đề giá cả một cách đơn thuần, mà là đến ổn định giá cả. Giá cả cùng với sản lượng, việc làm,... là những đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản mà xã hội quan tâm và do đó, cũng là đối tượng nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô. Một trong những mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô vì vậy cũng là vấn đề ổn định giá<sup>(15)</sup>. Do đó, chúng ta phải nghiên cứu các nguyên nhân gây ra biến động giá và chỉ ra các khả năng, các công cụ mà chính phủ cần sử dụng để ổn định giá. Vấn đề không phải chỉ là ở tên gọi của hiện tượng.

Dân chúng quan tâm đến mức giá chung, vì khi mức giá chung tăng, tiền lương thực tế của họ bị giảm, người đi vay có lợi, người cho vay bị thiệt,... hàng loạt các quan hệ kinh tế bị méo mó,... Và nếu chúng ta tiếp tục nói "tăng giá chỉ là tăng giá", "tăng giá không phải là lạm phát",... thì dân chúng sẽ nói gì? (Hãy nhớ lại phản ứng của dư luận vào năm 2004 trước những tuyên bố "tăng giá chỉ là tăng giá"). Họ sẽ nói rằng: chúng tôi quan tâm tới hiện tượng tăng giá, mất giá đồng tiền, đồng lương chỉ còn mua được ít hàng hóa hơn trước..., thì khắc phục bằng cách nào?!

Nếu gọi hiện tượng mức giá chung tăng là lạm phát và tỷ lệ tăng mức giá chung là tỷ lệ lạm phát, thì việc nghiên cứu biến động giá trở thành đối tượng nghiên cứu về lạm phát. Dân chúng cũng đều hiểu như vậy. Trên thế giới, nói đến tỷ lệ lạm phát, đương nhiên, người ta đều hiểu là tỷ lệ tăng giá, tỷ lệ mất giá đồng tiền. Các số liệu thống kê của thế giới về lạm phát có nghĩa là về tăng mức giá chung.

Nếu nói lạm phát là cung tiền vượt cầu về tiền thì ngoài việc nghiên cứu lạm phát chúng ta vẫn phải đo động thái của giá. Lạm phát bị quy lại trong một phạm vi hẹp hơn và không đáp ứng được một cách trực tiếp mục tiêu ổn định giá trong điều hành kinh tế vĩ mô.

Mặt khác, trong hoạt động của ngân hàng trung ương, để ổn định giá, đặc biệt là trong ngắn hạn, việc phân tích tác động của các yếu tố đến giá là rất quan trọng để có thể lựa chọn

được chính sách thích hợp. Với mục tiêu đó, ngân hàng trung ương của nhiều nước đã sử dụng chỉ số lạm phát cơ bản.

Gần đây, luận điểm về lạm phát cơ bản được nhắc đến khá nhiều và không ít người hiểu rằng, để đo lường mức độ lạm phát cần phải thay chỉ số CPI bằng chỉ số lạm phát cơ bản<sup>(16)</sup>. Và điều này dường như gián tiếp khẳng định, tăng giá không hoàn toàn là lạm phát. Lạm phát cơ bản cũng chỉ là một chỉ tiêu như các chỉ tiêu đo lường lạm phát khác; chúng bổ sung cho nhau chứ không phải thay thế, loại trừ nhau. Chỉ số lạm phát cơ bản được sử dụng bên cạnh CPI chứ không phải thay cho CPI.

Trong Báo cáo cho Hội thảo của Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Thống kê châu Âu "Về cơ sở phương pháp luận và thực tiễn tính lạm phát cơ bản ở Liên bang Nga" do Cục Thống kê quốc gia Liên bang Nga chuẩn bị, có sự trợ giúp của các chuyên gia Anh, Thụy Điển, Phần Lan và Đức, các chuyên gia thống kê châu Âu khẳng định rằng: "Chỉ tiêu quan trọng nhất, phản ánh quá trình lạm phát ở Liên bang Nga là CPI. Tuy nhiên, bên cạnh CPI, để phân tích chi tiết hơn tình hình thị trường tiêu dùng trong nước cần xây dựng hệ thống các chỉ số giá bổ sung"<sup>(17)</sup>. Và "chỉ tiêu lạm phát cơ bản là một trong số những chỉ tiêu cần thiết nhất trong hệ thống các chỉ số giá hàng tiêu dùng được tính"<sup>(18)</sup>. Vậy, cách đo lạm phát cơ bản không thể thay thế cho cách tiếp cận coi lạm phát là hiện tượng tăng mức giá chung. Ổn định mức giá chung, ổn định giá cả hàng hóa tiêu dùng - liên quan mật thiết đến đời sống của mọi người, bởi vậy, phải là mục tiêu cơ bản trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ và của Ngân hàng trung ương. □

(15) Chương 30, trong giáo trình của Sa-men-som nói về lạm phát, là "Đảm bảo ổn định giá cả" - TG

(16) <http://www.dddn.com.vn/Destop.aspx/tintuc/y-kien>

(17), (18) <http://www.uncece.org/stats/documents/ece/ces/ge22/2006/mtg2/4.rpdf>